HỌC VIỆN NGOẠI GIAO **HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH** **TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ** **NĂM 2026**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1284 /QĐ-HĐTSTĐTHS	*Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trình độ thạc sĩ năm 2026

CHỦ TỊCH HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Căn cứ Quyết định số 3536/QĐ-BNG ngày 06/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/09/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-HVNG ngày 18/03/2026 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận những thí sinh đủ điều kiện tham dự đợt tuyển sinh trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Luật quốc tế, Truyền thông quốc tế năm 2026 tại Học viện Ngoại giao (*danh sách kèm theo).*

Điều 2. Ban thư ký thuộc Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026 có trách nhiệm thông báo đến các thí sinh trong danh sách tham gia ứng tuyển theo đúng Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ do Học viện Ngoại giao đã ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các ông/bà và các thí sinh có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, SĐH.

CHỦ TỊCH HĐTS

BỘ NGOẠI GIAO
HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

TS. Nguyễn Hùng Sơn

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Truyền thông quốc tế		
1	Đinh Thái An	Nữ	26/06/2003	TTQT.20	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC Level 3 (B2), ngày cấp 11/10/2026	
2	Đặng Huy Anh	Nam	08/04/2003	TTQT.21	Báo chí/Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 26/01/2026, Trường Đại học Văn Lang	
3	Lê Bùi Lan Anh	Nữ	21/12/2004	TTQT.22	Kinh doanh/ Đại học RMIT/Không xếp loại	x	x	Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, cử nhân ngành Kinh doanh/Đại học RMIT	
4	Nguyễn Mai Anh	Nữ	05/04/2003	TTQT.23	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị truyền thông đa phương tiện)/ Trường Đại học FPT/Giỏi	x	x	Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, cử nhân ngành Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị truyền thông đa phương tiện)/Trường Đại học FPT	
5	Trần Thị Phương Anh	Nữ	19/12/2001	TTQT.24	Quản trị kinh doanh/Trường Đại học FPT/ Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B1, ngày cấp 21/09/2026	
6	Phạm Vân Diệp	Nữ	18/06/1999	TTQT.25	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5, ngày cấp 15/06/2025	
7	Nguyễn Đình Vũ Dũng	Nam	03/12/2003	TTQT.26	Quan hệ quốc tế/ Học viện Ngoại giao/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 23/11/2020	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Truyền thông quốc tế		
8	Ngô Hồng Thái Đức	Nam	18/10/2002	TTQT.27	Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Kinh tế Quốc dân/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	
9	Lương Thanh Vân Hà Emily	Nữ	01/01/2002	TTQT.28	Truyền thông/Trường Đại học Marymount, Mỹ/ Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Truyền thông/ Trường Đại học Marymount, Mỹ	
10	Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	22/12/2002	TTQT.29	Ngôn ngữ Anh/ Đại học Bách khoa Hà Nội/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Đại học Bách khoa Hà Nội	
11	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	30/11/2003	TTQT.30	Văn hóa học, (chuyên ngành Nghiên cứu văn hóa)/ Trường Đại học Văn hóa Hà Nội/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B1, ngày cấp 25/07/2024	
12	Nguyễn Diệu Hương	Nữ	10/12/2003	TTQT.31	Ngôn ngữ Nhật/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Xuất sắc	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
13	Nguyễn An Khánh	Nữ	25/02/2003	TTQT.32	Ngôn ngữ Anh/ Học viện Ngoại giao/ Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Học viện Ngoại giao	
14	Lường Chúc Linh	Nữ	02/08/2003	TTQT.33	Quản trị kinh doanh/ Trường Đại học Thương mại/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 480, Reading 360, ngày cấp 22/09/2026; Speaking 160, Writing 170, ngày cấp 13/09/2026)	
15	Nguyễn Trần Thảo My	Nữ	21/09/2003	TTQT.34	Truyền thông đa phương tiện/ Trường Đại học Thăng Long/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 16/11/2024	
16	Đỗ Phương Thảo	Nữ	04/11/1996	TTQT.35	Ngôn ngữ Anh/ Trường Đại học Thăng Long/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Trường Đại học Thăng Long	
17	Phùng Thị Ngọc Thảo	Nữ	14/10/2001	TTQT.36	Ngôn ngữ Anh/ Trường Đại học Ngoại thương/Xuất sắc	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 495, Reading 455, ngày cấp 01/06/2026; Speaking 160, Writing 180, ngày cấp 16/09/2026)	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Truyền thông quốc tế		
18	Đào Thu Trang	Nữ	24/01/2002	TTQT.37	Quan hệ quốc tế/ Trường Đại học tổng hợp quốc gia Tyumen, Nga/Không xếp loại	x	x	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế/ Trường Đại học tổng hợp quốc gia Tyumen, Nga	
19	Phạm Châu Khánh Linh	Nữ	22/11/2002	TTQT.38	Nghệ thuật Âm thanh/Columbia College Chicago, Mỹ/Xuất sắc	x	x	Cử nhân ngành Nghệ thuật Âm thanh/ Columbia College Chicago, Mỹ	

(Danh sách gồm 19 thí sinh thi tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Kinh tế học	Kinh tế quốc tế		
1	Nguyễn Uyển Chi	Nữ	01/10/2002	KTQT.05	Thương mại (Kế toán)/Trường Đại học Ottawa, Canada/Không xếp loại	x	x	Cử nhân ngành Thương mại (Kế toán)/ Trường Đại học Ottawa, Canada	
2	Phạm Hoàng Anh Đức	Nam	21/11/2003	KTQT.06	Quản trị kinh doanh/Trường Đại học Greenwich, Anh/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh/ Trường Đại học Greenwich, Anh	
3	Đỗ Diệp Hà	Nữ	14/08/1998	KTQT.07	Quản trị kinh doanh/Trường Đại học American, Mỹ/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh/ Trường Đại học American, Mỹ	
4	Đỗ Hà Ngân	Nữ	19/10/2000	KTQT.08	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính Quốc tế)/ Trường Đại học Ngoại thương/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 29/09/2026	
5	Trương Hoàng Quân	Nam	16/08/2003	KTQT.09	Ngôn ngữ Anh/Học viện Ngoại giao/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Học viện Ngoại giao	
6	Lê Thu Uyên	Nữ	25/12/2002	KTQT.10	Tài chính-Ngân hàng/Học viện Chính sách và Phát triển/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 375, Reading 300, ngày cấp 27/07/2026; Speaking 130, Writing 130, ngày cấp 21/06/2026)	
7	Hoàng Lê Minh	Nam	21/02/1998	KTQT.11	Quan hệ quốc tế/Trường Đại học Victoria, Wellington, New Zealand/Khá	x	x	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế/ Trường Đại học Victoria, Wellington, New Zealand	

(Danh sách gồm 07 thí sinh thi tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284/QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Công pháp quốc tế		
1	Hoàng Hà Anh	Nữ	02/04/2002	LQT.08	Luật (chuyên ngành Luật thương mại quốc tế)/Trường Đại học Ngoại thương/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh VEPT B2, ngày cấp 02/10/2021	
2	Nguyễn Anh Cửu	Nam	07/03/2003	LQT.09	1. Quản trị kinh doanh/Đại học Troy, Mỹ/Không xếp loại 2. Luật (chuyên ngành Luật thương mại quốc tế)/Trường Đại học Ngoại thương/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh/ Đại học Troy, Mỹ; Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 13/09/2026	
3	Đinh Đức Dương	Nam	16/09/2003	LQT.10	Luật/Trường Đại học Luật, ĐHQGHN/ Trung bình	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 15/09/2025, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
4	Nguyễn Thị Giang	Nữ	16/08/1990	LQT.11	Luật Kinh tế/Trường Đại học Luật Hà Nội/ Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 15/09/2026, Trường Đại học Hà Nội	
5	Đỗ Thanh Hằng	Nữ	08/09/1992	LQT.12	1. Luật Kinh tế/Trường Đại học Luật Hà Nội/Giỏi 2. Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Hà Nội/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Hà Nội	
6	Lê Gia Huy	Nam	18/05/2004	LQT.13	Luật/Trường Đại học Luật, ĐHQGHN/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 10/04/2025, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
7	Nguyễn Ngọc Quang Minh	Nam	23/11/2003	LQT.14	Luật/Trường Đại học Luật Hà Nội/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 15/06/2025	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Công pháp quốc tế		
8	Hạ Thị Thảo	Nữ	30/11/2003	LQT.15	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 415, Reading 325, ngày cấp 09/06/2025; Speaking 130, Writing 160, ngày cấp 17/05/2025)	
9	Phạm Ngọc Minh Thu	Nữ	25/09/1997	LQT.16	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B2, ngày cấp 14/08/2026	
10	Nguyễn Trần Khánh Linh	Nữ	19/11/2004	LQT.17	Luật/Trường Đại học Luật Hà Nội/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 20/07/2026, Trường Đại học Hà Nội	
11	Trần Minh Quân	Nam	21/02/2001	LQT.18	Luật Thương mại/Varsity College Pretoria, Nam Phi/ Không xếp loại	x	x	Cử nhân Luật Thương mại/Varsity College Pretoria, Nam Phi	

(Danh sách gồm 11 thí sinh thi tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1284 /QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Chính trị quốc tế		
1	Bùi Như Anh	Nữ	28/03/2001	QHQT.31	Kinh doanh quốc tế/ Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Vaasa, Phần Lan/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế/Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Vaasa, Phần Lan	
2	Nguyễn Tiến Anh	Nam	27/02/2005	QHQT.32	Quan hệ quốc tế và Khoa học Chính trị/ Trường Đại học Victoria, Wellington, New Zealand/Không xếp loại	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 01/04/2026	
3	Phạm Nguyễn Minh Anh	Nữ	22/06/2001	QHQT.33	Ngôn ngữ Anh/ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
4	Nguyễn Hoàng Khánh Chi	Nữ	28/08/2002	QHQT.34	Ngôn ngữ Nhật/ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Xuất sắc	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
5	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	02/03/2000	QHQT.35	Lịch sử Nghệ thuật và Kiến trúc/ Trường Đại học Miami, Mỹ/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Lịch sử Nghệ thuật và Kiến trúc/Trường Đại học Miami, Mỹ	
6	Hoàng Trần Nhật Đan	Nam	06/03/2002	QHQT.36	Kinh tế/Trường Đại học Tổng hợp Liên bang Ural, Nga/Xuất sắc	x	x	Cử nhân ngành Kinh tế/Trường Đại học Tổng hợp Liên bang Ural, Nga	
7	Đàm Hà Giang	Nữ	27/12/2002	QHQT.37	Quốc tế học/Trường Đại học Hà Nội/ Khá	x	x	Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, cử nhân ngành Quốc tế học/Trường Đại học Hà Nội	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Chính trị quốc tế		
8	Nguyễn Trường Giang	Nam	24/02/2001	QHQT.38	Ngôn ngữ Pháp/ Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
9	Phạm Hương Hà	Nữ	26/01/1999	QHQT.39	Quốc tế học/Trường Đại học Hà Nội/Khá	x	x	Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, cử nhân ngành Quốc tế học/Trường Đại học Hà Nội	
10	Trần Khánh Hà	Nữ	11/04/1999	QHQT.40	1. Ngôn ngữ Pháp/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Khá (chính quy) 2. Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Giỏi (vừa làm vừa học)	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
11	Vương Tuấn Hải	Nam	21/11/1998	QHQT.41	Ngôn ngữ Anh/ Trường Đại học Mở Hà Nội/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Mở Hà Nội	
12	Đặng Thị Phương Hoa	Nữ	06/02/1992	QHQT.42	Quan hệ quốc tế và Khoa học Chính trị/ Trường Đại học Victoria, Wellington, New Zealand/ Không xếp loại	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 20/01/2026	
13	Lương Quỳnh Hoa	Nữ	18/11/2003	QHQT.43	Truyền thông quốc tế/ Học viện Ngoại giao/Xuất sắc	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 29/03/2025	
14	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	26/08/1999	QHQT.44	Tiếng Hàn như một ngôn ngữ toàn cầu/Trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc/Không xếp loại	x	x	Cử nhân chuyên ngành Tiếng Hàn như một ngôn ngữ toàn cầu/Trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc	
15	Phạm Thị Huế	Nữ	15/11/1995	QHQT.45	Ngôn ngữ Nhật/Trường Đại học Thăng Long/Trung bình khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Nhật JLPT N3, ngày cấp 12/08/2025	
16	Trần Thị Huệ	Nữ	15/11/2002	QHQT.46	Ngôn ngữ Anh/Học viện Tài chính/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Học viện Tài chính	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Chính trị quốc tế		
17	Lê An Huy	Nam	09/12/2000	QHQT.47	Quản trị và Đổi mới doanh nghiệp/Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT), Úc	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 01/02/2026	
18	Nguyễn Quang Huy	Nam	13/03/1995	QHQT.48	Khoa học xã hội/Trường Đại học Jawaharlal Nehru, Ấn Độ/Không xếp loại	x	x	Cử nhân ngành Khoa học xã hội học/Trường Đại học Jawaharlal Nehru, Ấn Độ	
19	Trần Phúc Huy	Nam	12/08/2000	QHQT.49	Quản trị kinh doanh và khởi nghiệp/ Đại học Sunderland, Anh/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và khởi nghiệp/Đại học Sunderland, Anh	
20	Bùi Thị Khánh Huyền	Nữ	11/03/1999	QHQT.50	Đông phương học và châu Phi học/Trường Đại học Nghiên cứu Quốc gia "Trường Kinh tế Cao cấp", Nga/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Đông phương học và châu Phi học/Trường Đại học Nghiên cứu Quốc gia "Trường Kinh tế Cao cấp", Nga	
21	Đồng Thị Khánh Huyền	Nữ	04/02/2003	QHQT.51	Ngôn ngữ Trung Quốc/Trường Đại học Hà Nội/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc/Trường Đại học Hà Nội	
22	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	24/10/1993	QHQT.52	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B1, ngày cấp 29/04/2021	
23	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	29/05/2003	QHQT.53	Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
24	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	08/12/2000	QHQT.54	Khoa học quản lý/Trường Đại học Keuka, Mỹ/Khá	x	x	Cử nhân ngành Khoa học quản lý/Trường Đại học Keuka, Mỹ	
25	Vũ Đức Kiên	Nam	20/10/2005	QHQT.55	Quan hệ quốc tế/Trường Đại học Quan hệ Quốc tế Quốc gia Mát-xcơ-va, Nga/Không xếp loại	x	x	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế/Trường Đại học Quan hệ Quốc tế Quốc gia Mát-xcơ-va, Nga	
26	Nguyễn Thanh Lê	Nữ	01/07/2004	QHQT.56	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 4, ngày cấp 11/01/2026	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Chính trị quốc tế		
27	Đỗ Thanh Ngân Linh	Nữ	10/06/2003	QHQT.57	Kinh doanh quốc tế/Trường Đại học Coventry/Xuất sắc (First Class Honours)	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 31/07/2026, Trường Đại học Ngoại thương	
28	Mai Hoàng Yến Linh	Nữ	24/05/2005	QHQT.58	Quảng cáo, Quan hệ công chúng và Thương hiệu/ Đại học Middlesex, Anh/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 21/04/2026, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
29	Trần Đức Linh	Nam	03/05/1984	QHQT.59	Tiếng Anh/Trường Đại học Hà Nội/ Trung bình khá Kinh tế đối ngoại/ Trường Đại học Ngoại thương/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Tiếng Anh/Trường Đại học Hà Nội	
30	Trần Nhật Minh	Nam	13/11/2003	QHQT.61	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 07/11/2024	
31	Hoàng Thị Na	Nữ	30/09/2002	QHQT.62	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 4, ngày cấp 12/04/2025	
32	Phạm Trọng Nghĩa	Nam	22/08/2002	QHQT.63	Ngôn ngữ Tây Ban Nha/ Trường Đại học Hà Nội/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Tây Ban Nha DELE C1, ngày cấp 03/02/2025	
33	Đỗ Thị Bảo Ngọc	Nữ	30/12/2003	QHQT.64	Quan hệ quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B2, ngày cấp 23/11/2025	
34	Trịnh Minh Ngọc	Nữ	01/06/2004	QHQT.65	Ngôn ngữ Tây Ban Nha/ Trường Đại học Hà Nội/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Tây Ban Nha/ Trường Đại học Hà Nội	
35	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	25/05/1997	QHQT.66	Sư phạm Tiếng Anh/ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/Giỏi	x	x	Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Anh/ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
36	Nguyễn Thu Phương	Nữ	24/08/1983	QHQT.67	Quan hệ quốc tế/Học viện Quan hệ Quốc tế (nay là Học viện Ngoại giao)/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC Level 3 (B2), ngày cấp 10/10/2026	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Trường/Xếp loại tốt nghiệp	Môn thi		Ngoại ngữ	Ghi chú
						Triết học	Chính trị quốc tế		
37	Nguyễn Hương Quỳnh	Nữ	18/03/1998	QHQT.68	Chính trị học/Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), ngày cấp 09/07/2026, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
38	Lữ Thị Kim Thoa	Nữ	06/07/2004	QHQT.69	Châu Á - Thái Bình Dương học/Học viện Ngoại giao/Giỏi	x	x	Chứng chỉ tiếng Nhật JLPT N3, ngày cấp 10/01/2025	
39	Lê Thu Thủy	Nữ	12/04/1993	QHQT.70	Truyền thông quốc tế/ Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Trường Đại học Mở Hà Nội	
40	Nguyễn Anh Thư	Nữ	20/09/2004	QHQT.71	Quan hệ quốc tế/ Học viện Ngoại giao/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 04/10/2022	
41	Nguyễn Vũ Anh Thư	Nữ	04/12/2001	QHQT.72	Quan hệ quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Khá	x	x	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B2, ngày cấp 27/08/2026	
42	Lê Hà Trang	Nữ	03/08/1993	QHQT.73	Ngôn ngữ Tây Ban Nha/ Trường Đại học Hà Nội/Trung bình khá	x	x	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Tây Ban Nha/ Trường Đại học Hà Nội	
43	Lê Anh Tùng	Nam	05/01/2003	QHQT.74	Quản trị kinh doanh/Trường Đại học Philipps Marburg, Đức/Khá	x	x	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh/Trường Đại học Philipps Marburg, Đức	
44	Nguyễn Khánh Thu Uyên	Nữ	25/01/1997	QHQT.75	Khoa học chính trị/Đại học Korea, Hàn Quốc/Không xếp loại	x	x	Cử nhân ngành Khoa học chính trị/ Đại học Korea, Hàn Quốc	
45	Nguyễn Trường Hùng Vĩnh	Nam	11/06/2003	QHQT.76	Quản trị kinh doanh/Đại học Troy, Mỹ	x	x	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh/ Đại học Troy, Mỹ	

(Danh sách gồm 45 thí sinh thi tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định: 1284 /QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch HĐTS thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Hoàng Quỳnh Minh Anh	Nữ	12/07/2000	TTQT.01	Truyền thông quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Giỏi/ĐTB: 3.25	Chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ Tiếng Anh Bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam), cấp ngày 25/08/2026, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
2	Lê Minh Anh	Nam	27/01/2004	TTQT.02	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.66	Chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 02/10/2026	
3	Nguyễn Cao Châu Anh	Nữ	29/07/2003	TTQT.03	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.73	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 27/06/2024	
4	Phạm Ngọc Minh Châu	Nữ	01/01/2004	TTQT.04	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.65	Chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 01/10/2026	
5	Nguyễn Lê Hà Chi	Nữ	28/03/2004	TTQT.05	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.73	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 01/09/2026	
6	Hồ Thùy Dung	Nữ	15/05/2000	TTQT.06	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.41	Chứng chỉ tiếng Pháp DALF C1, ngày cấp 05/01/2021	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
7	Lê Bảo Dung	Nữ	06/02/2003	TTQT.07	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.78	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 6, ngày cấp 16/11/2024	
8	Vũ Thị Thảo Dương	Nữ	25/02/2003	TTQT.08	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.84	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 06/04/2025	
9	Nguyễn Đình Mạnh Hùng	Nam	24/12/2004	TTQT.09	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.60	Chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 25/05/2026	
10	Đỗ Ngọc Linh	Nữ	07/09/2003	TTQT.10	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.41	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 15/07/2019	
11	Phạm Thị Khánh Linh	Nữ	24/06/2003	TTQT.11	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.73	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 02/10/2026	
12	Trần Quang Linh	Nam	04/10/2003	TTQT.12	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.81	Chứng chỉ tiến Hàn TOPIK II 157/300, ngày cấp 13/04/2025	
13	Đỗ Đức Minh	Nam	19/01/2004	TTQT.13	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.76	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.0, ngày cấp 02/10/2026	
14	Trương Thị Minh Nhật	Nữ	25/01/2004	TTQT.14	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.75	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 01/12/2025	
15	Bùi Phương Thảo	Nữ	01/11/2004	TTQT.15	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.77	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 29/08/2025	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ Xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
16	Trịnh Phương Thúy	Nữ	12/09/2004	TTQT.16	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.53	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 18/12/2025	
17	Nguyễn Dương Yến Trang	Nữ	27/07/2004	TTQT.17	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.39	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 28/06/2026	
18	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	Nữ	22/01/2003	TTQT.18	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.76	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 28/09/2026	
19	Trương Thế Vinh	Nam	05/08/2003	TTQT.19	Truyền thông quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.71	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 18/10/2024	

(Danh sách gồm 19 thí sinh xét tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định:1284 /QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch HĐTS thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	14/08/2001	KTQT.01	1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành/Trường Đại học Thương mại/Giỏi/ĐTB: 3.46 2. Kinh tế quốc tế/Trường Đại học Thương mại/Giỏi/ĐTB: 3.35	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 02/11/2025	
2	Hoàng Mai Linh	Nữ	22/07/2004	KTQT.02	Kinh tế quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.34	Chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (Listening 455, Reading 370 ngày cấp 02/06/2026; Speaking 160, Writing 150 ngày cấp 23/06/2026)	
3	Phạm Trà My	Nữ	10/07/2004	KTQT.03	Kinh tế quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.68	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 29/06/2025	
4	Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ	10/08/2004	KTQT.04	Kinh tế quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.60	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 5, ngày cấp 22/03/2026	

(Danh sách gồm 04 thí sinh xét tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định: 1284 /QĐ-HĐTSTĐTHS ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch HĐTS thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Trần Minh An	Nam	05/06/2003	LQT.01	Luật quốc tế/ Học viện Ngoại giao/Giỏi/ĐTB: 3.33	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, ngày cấp 09/07/2020	
2	Hoàng Minh Hạnh	Nữ	14/03/2003	LQT.02	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.23	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B1, ngày cấp 28/06/2026	
3	Nguyễn Đức Ngọc Mai	Nữ	22/08/2003	LQT.03	Luật quốc tế/ Trường Đại học Mở Hà Nội/Giỏi/ĐTB: 3.35	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 465, Reading 400, ngày cấp 26/09/2026; Speaking 140, Writing 150, ngày cấp 16/09/2026)	
4	Nguyễn Trà My	Nữ	08/11/2004	LQT.04	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.75	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 05/04/2026	
5	Đặng Phương Nhi	Nữ	08/12/2002	LQT.05	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.24	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 4, ngày cấp 09/03/2025	
6	Hoàng Đình Sơn	Nam	24/12/2002	LQT.06	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.72	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 26/09/2026	
7	Trần Lê Phương Tâm	Nữ	01/10/2003	LQT.07	Luật quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.20	Chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK II 128/300, ngày cấp 11/05/2025	

(Danh sách gồm 07 thí sinh xét tuyển)

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN
TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định:1284 /QĐ-HĐTSTĐTHS ngày13 tháng10 năm 2026 của Chủ tịch HĐTS thạc sĩ năm 2026)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	Tô Thanh An	Nam	05/07/2005	QHQT.01	Quan hệ quốc tế/Trường Đại học Warsaw, Ba Lan/Giỏi	Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, cử nhân ngành Quan hệ quốc tế/ Trường Đại học Warsaw, Ba Lan	
2	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	26/10/2000	QHQT.02	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ ĐTB: 3.31	Chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ Tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam), cấp ngày 08/09/2026, Trường Đại học Ngoại thương	
3	Nguyễn Thị Thu Cúc	Nữ	02/08/2003	QHQT.03	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.73	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.0, ngày cấp 29/12/2025	
4	Lê Hùng Thái Dương	Nam	22/05/2004	QHQT.04	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ ĐTB: 3.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 25/09/2026	
5	Vũ Ngọc Hà	Nữ	09/10/2003	QHQT.05	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.65	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 16/01/2026	
6	Phan Tử Hân	Nữ	19/12/2004	QHQT.06	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB:3.80	Chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (Listening 455, Reading 355 ngày cấp 28/04/2026; Speaking 150, Writing 150 ngày cấp 18/04/2026)	
7	Nguyễn Quang Huy	Nam	20/03/2001	QHQT.07	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.28	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Học viện Ngoại giao	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
8	Phạm Hữu Khánh	Nam	18/06/2003	QHQT.08	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.60	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 25/12/2024	
9	Trần Mai Lan	Nữ	01/01/2001	QHQT.09	Quan hệ quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Xuất sắc/ĐTB: 3.70	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 01/10/2026	
10	Hoàng Thị Hà Linh	Nữ	07/03/2004	QHQT.10	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.52	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 15/09/2026	
11	Nguyễn Phương Linh	Nữ	27/10/2004	QHQT.11	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.43	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 03/04/2026	
12	Hoàng Văn Long	Nam	30/11/2003	QHQT.12	Quan hệ quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/ Giỏi/ĐTB: 3.44	Chứng chỉ ngoại ngữ ngôn ngữ Tiếng Anh Bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam), cấp ngày 18/04/2025, Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
13	Nguyễn Thị Phương Ly	Nữ	30/03/2001	QHQT.13	Quan hệ quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/ Giỏi/ĐTB: 3.35	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 15/09/2026	
14	Nguyễn Lâm Hoàng Mai	Nữ	08/12/2003	QHQT.14	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.63	1. Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh/ Học viện Ngoại giao 2. Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 15/03/2025	
15	Nguyễn Phan Quang Minh	Nam	15/12/2004	QHQT.15	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.72	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 12/09/2026	
16	Phạm Nhật Minh	Nam	19/07/2004	QHQT.16	Quan hệ quốc tế và Khoa học Chính trị/ Trường Đại học Victoria, Wellington, New Zealand	Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh, cử nhân Quan hệ quốc tế và Khoa học Chính trị/Trường Đại học Victoria, Wellington, New Zealand	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
17	Nguyễn Tuyết Nga	Nữ	26/01/2001	QHQT.17	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.48	Chứng chỉ tiếng Pháp DALF C1, ngày cấp 19/08/2024	
18	Trần Bích Ngọc	Nữ	25/09/2003	QHQT.18	Quan hệ quốc tế và nghiên cứu khu vực/Trường Đại học Jagiellonian, Krakow, Ba Lan/Xuất sắc	1. Chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh, cử nhân chuyên ngành Quan hệ quốc tế và nghiên cứu khu vực/Trường Đại học Jagiellonian, Krakow, Ba Lan 2. Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 06/12/2025	
19	Nguyễn Ngọc Nhi	Nữ	13/01/2004	QHQT.19	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.23	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 04/06/2026	
20	Phạm Trường Sơn	Nam	30/05/2004	QHQT.20	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.68	1. Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 07/11/2025 2. Chứng chỉ tiếng Pháp TCF 341 điểm, ngày cấp 27/01/2022	
21	Tống Đức Thái	Nam	03/12/2004	QHQT.21	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.91	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 17/07/2026	
22	Lê Hoàng Phương Thảo	Nữ	17/07/2003	QHQT.22	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.65	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, ngày cấp 27/06/2026	
23	Nguyễn Thu Trà	Nữ	29/06/2003	QHQT.23	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.80	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 21/09/2026	
24	Đào Kiều Trang	Nữ	02/12/2003	QHQT.24	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.44	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 28/10/2025	
25	Lê Thị Thảo Uyên	Nữ	28/06/2004	QHQT.25	Quan hệ quốc tế/Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố HCM/Giỏi/ĐTB: 3.38	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B1, ngày cấp 18/08/2026	

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	SBD	Ngành/Đại học/ xếp loại tốt nghiệp	Ngoại ngữ	Ghi chú
26	Trương Vũ Phương Uyên	Nữ	25/04/2004	QHQT.26	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.65	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, ngày cấp 25/09/2026	
27	Nguyễn Hoàng Duy Quốc Việt	Nam	26/06/2003	QHQT.27	Quan hệ quốc tế/Học viện Báo chí và Tuyên truyền/Xuất sắc/ĐTB: 3.63	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, ngày cấp 17/11/2024	
28	Hoàng Hải Yến	Nữ	15/12/2003	QHQT.28	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.21	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 4, ngày cấp 09/03/2025	
29	Nguyễn Hải Yến	Nữ	12/01/2002	QHQT.29	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Giỏi/ĐTB: 3.59	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, ngày cấp 08/10/2026	
30	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	19/03/2004	QHQT.30	Quan hệ quốc tế/Học viện Ngoại giao/ Xuất sắc/ĐTB: 3.79	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 4, ngày cấp 15/11/2025	

(Danh sách gồm 30 thí sinh xét tuyển)